

Số: 29 /2023/QĐST-DS

Thạch Thành, ngày 25 tháng 9 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 15 tháng 9 năm 2023 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 62/2022/TLST-DS ngày 03 tháng 11 năm 2022.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Bùi Văn H, sinh năm: 1984

Địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện T, Thanh Hóa.

- *Bị đơn:* Chị Bùi Thị Thu H1, sinh năm: 1992

Địa chỉ: Tổ E, ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Bùi Thị L, sinh năm: 1960

Địa chỉ: Thôn Q, xã T, huyện T, Thanh Hóa

+ Bà Bùi Thị L1, sinh năm: 1961

Địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

+ Bà Bùi Thị H2, sinh năm: 1966

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

+ Bà Bùi Thị H3, sinh năm: 1968

Địa chỉ: Xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

+ Bà Bùi Thị H4, sinh năm: 1970

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

+ Bà Bùi Thị N, sinh năm: 1963

Địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

+ Anh Bùi Văn T, sinh năm: 1989

Địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

+ Anh Bùi Văn T1, sinh năm: 1992

Thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

+ Chị Bùi Thị T2, sinh năm: 1993

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

- Người đại diện theo ủy quyền của bà Bùi Thị L: Bà Bùi Thị L1, sinh năm 1961

Địa chỉ: Thôn Phong Phú, xã Thành Mỹ, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Tài sản thừa kế của bà Bùi Thị H5 gồm diện tích đất 5501,5 m² tại thửa đất số 254, tờ bản đồ địa chính số 19, trong đó có 2000 m² đất ở tại nông thôn và 3.501,5 m² đất trồng cây lâu năm và các tài sản trên đất là nhà cấp 4, nhà bếp, bể nước. Giá trị tài sản thừa kế thống nhất như kết quả định giá của hội đồng định giá là: Đối với quyền sử dụng đất có giá trị là 259.525.500 đồng (Hai trăm năm mươi chín triệu năm trăm hai mươi lăm nghìn đồng), còn các công trình trên đất xây dựng đã lâu đến nay hết giá trị khấu hao không có cơ sở định giá.

Tài sản thừa kế của bà Bùi Thị H5 sẽ được chia cho anh Bùi Văn H và chị Bùi Thị Thu H1 cụ thể:

- Chia cho anh Bùi Văn H phần đất về phía Tây của thửa đất cụ thể: Phía Bắc phần đất giáp mặt đường giao thông chia thành 02 đoạn kích thước lần lượt là 32,6 m và 0,4 m, phía Nam giáp thửa đất hộ ông Trương Văn K (thửa đất số 266) chia làm 02 đoạn kích thước lần lượt là 18,6m và 11,3 m; Phía Tây của phần đất giáp thửa đất của hộ ông Trương Văn Q (thửa đất số 267) được chia thành 04 đoạn có chiều dài lần lượt là 10,4m; 50,4m; 5,5 m và 9,6 m; phía Đông thửa đất giáp thửa đất chia cho chị Bùi Thị Thu H1 dài 77,2 m, Diện tích đất chia cho anh H là 2389,5 m²; trong đó có 800 m² đất ở tại nông thôn và 1.589,5 m² đất trồng cây lâu năm (Có sơ đồ kèm theo Quyết định)

- Chia cho chị Bùi Thị Thu H1 phần đất có chiều rộng phía Bắc giáp mặt đường giao thông được chia làm 2 đoạn lần lượt là 8,4 m và 39,9 m; chiều rộng phía Nam giáp thửa đất hộ ông Trương Văn K (thửa đất số 266) chia làm 4 đoạn có kích thước lần lượt là 5,5 m; 7,2 m; 11,6m và 21,3 m; Phía Đông của phần đất giáp đường giao thông dài 60,8 m; phía Tây phần đất giáp thửa đất chia cho anh Bùi Văn H dài 77,2 m diện tích

phần đất chia cho chị Bùi Thị Thu H1 là 3112 m² trong đó có 1.200 m² đất ở tại nông thôn và 1.912 m² đất trồng cây lâu năm (Có sơ đồ kèm theo Quyết định).

Đối với các tài sản trên đất chia cho anh Bùi Văn H gồm 01 nhà cấp 4; 01 nhà bếp và bể nước.

Anh H và chị H1 không phải trả tiền chênh lệch cho ai về giá trị tài sản được nhận.

Về án phí: Anh Bùi Văn H sẽ chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật bằng 40 % giá trị tài sản thừa kế của bà H5, số tiền án phí dân sự sơ thẩm anh H phải nộp là 2.595.255 đồng (Hai triệu năm trăm chín mươi lăm nghìn hai trăm năm mươi lăm đồng); chị Bùi Thị Thu H1 chịu án phí theo quy định của pháp luật bằng 60 % giá trị tài sản thừa kế của bà H5, số tiền án phí dân sự sơ thẩm chị Bùi Thị Thu H1 phải nộp là 3.893.000 đ (Ba triệu tám trăm chín mươi ba nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện TT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Bùi Văn Hải